



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12583.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Trầm Văn Hậu, ấp Đầu Giồng, xã Phước Hưng (TCN Đầu Giồng, Phước Hưng)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,226	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	43,22	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	3,77	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	10,9	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	2,54	µg/l

Mã số mẫu: 12583.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	5,20	$\mu\text{g/l}$
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,286	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỜNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



T.S. Phan Long Hồ



Số: 012020 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12584.25



VILAS 219

Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Kim Trang, ấp Chôm Chuối, xã Phước Hưng (TCN Phước Hưng)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,180	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	49,24	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	6,37	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	33,6	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	19,2	µg/l

BM.7.8.4 a

Đ/C: 159 Hưng Phú, Phường Hưng Phú, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

Trang 1/2

Mã số mẫu: 12584.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	$< 0,075$	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,299	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12585.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Trang Minh, ấp Đông Sơn, xã Tập Sơn (TCN Tập Sơn)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,153	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	33,31	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	3,04	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	2,48	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	2,26	µg/l

Mã số mẫu: 12585.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,168	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: 012022 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12586.25



VILAS 219

Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Trần Thị Hết, ấp Cây Da, xã Tân Sơn (NMN Tân Sơn)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	< 0,0005	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,164	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	32,99	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	< 2,0	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	µg/l

Mã số mẫu: 12586.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,192	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12587.25



VILAS 219

Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Nhan Thị Hiền, ấp Phổ, xã An Quảng Hữu (TCN Phổ Leng)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,135	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	33,77	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	10,4	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	7,82	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	5,95	µg/l

Mã số mẫu: 12587.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	$< 0,075$	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	$< 0,150$	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **2.8 -05- 2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: 012024 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12588.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Dương Văn, ấp Đầu Đôi, xã An Quảng Hữu (TCN An Quảng Hữu)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,109	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	28,65	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	6,00	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	13,8	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	µg/l

Mã số mẫu: 12588.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	$< 0,075$	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,273	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: **012025** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12589.25



VILAS 219

Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Thạch Sene, ấp Mộc Anh, xã Lưu Nghiệp Anh (TCN Mộc Anh)
Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,203	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	31,87	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	< 2,0	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	µg/l

BM.7.8.4 a

D/C: 159 Hưng Phú, Phường Hưng Phú, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

Trang 1/2

Mã số mẫu: 12589.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	0,079	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,254	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: **012026** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12590.25



VILAS 219

Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Kim Thị Đẹp, ấp Mộc Anh, xã Lưu Nghiệp Anh (TCN Lưu Nghiệp Anh)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0008	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	0,0022	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	107,25	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	8,13	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	29,7	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	18,3	µg/l

Mã số mẫu: 12590.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	0,090	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,318	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: 012027 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12591.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Tại hộ Kim Duyên, ấp Trà Cú A, xã Kim Sơn (TCN Bãi Xào Dơi)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0008	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	0,0033	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	107,91	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	4,10	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	7,45	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	3,99	µg/l

Mã số mẫu: 12591.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,253	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: **012028** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12592.25



VILAS 219

Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Trần Sô Ha, ấp Cà Hom, xã Hàm Tân (TCN Cà Hom, Hàm Tân)
Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,305	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	34,79	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	11,2	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	7,22	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	7,80	µg/l

BM.7.8.4 a

Đ/C: 159 Hưng Phú, Phường Hưng Phú, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

Trang 1/2

ĐT: (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

Mã số mẫu: 12592.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,232	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: 012029/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12593.25



VILAS 219

Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Lê Thanh Phong, ấp Chợ, xã Đại An (TCN Đại An)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,284	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,086	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	97,28	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	< 2,0	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	µg/l

BM.7.8.4 a

Đ/C: 159 Hưng Phú, Phường Hưng Phú, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

Trang 1/2

ĐT: (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

Mã số mẫu: 12593.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	0,092	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,429	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: **012030** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12594.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Huỳnh Oane, khóm 7, thị trấn Định An (NMN thị trấn Định An)
Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,397	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	60,46	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	< 2,0	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	µg/l

Mã số mẫu: 12594.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	0,081	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,286	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: **012031** /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12595.25



VILAS 219

Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ hạch Thị Hoa, ấp Nhuệ Tứ B, xã Hàm Giang (NMN Hàm Giang)
Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,155	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	39,97	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	< 2,0	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,30	µg/l

BM.7.8.4 a

Đ/C: 159 Hưng Phú, Phường Hưng Phú, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

Trang 1/2

Mã số mẫu: 12595.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,205	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày**2.8-05-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số 12032 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12596.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Thạch Nhi, ấp Giồng Cao, xã Ngọc Biên (NMN Ngọc Biên)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,144	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,050	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	38,54	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	Không phát hiện LOD = 0,40	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,30	µg/l

BM.7.8.4 a

Đ/C: 159 Hưng Phú, Phường Hưng Phú, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

Trang 1/2

ĐT: (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

Mã số mẫu: 12596.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	$< 0,075$	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,256	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số 012033 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12597.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Kim Sơn, ấp Sóc Chà B, xã Thanh Sơn (NMN Thanh Sơn)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	$\leq 0,02$	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	$\leq 0,7$	0,150	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	$\leq 0,3$	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	$\leq 0,01$	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	42,09	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	5,18	$\mu\text{g/l}$
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	21,1	$\mu\text{g/l}$
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	$\mu\text{g/l}$
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	15,9	$\mu\text{g/l}$

Mã số mẫu: 12597.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	0,080	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,291	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: 012034/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12598.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Lâm Ngọc Sang, ấp Trà Sát B, xã Long Hiệp (TCN Long Hiệp)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,131	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,053	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	37,16	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	7,03	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	2,83	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	3,17	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	7,86	µg/l

BM.7.8.4 a

Mã số mẫu: 12598.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,251	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

**TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM**



TS. Phan Long Hồ



Số: 012035/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12599.25



VILAS 219

Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Thạch Trọng, ấp Nô Đùng, xã Tân Hiệp (NMN Tân Hiệp)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,119	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,067	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	47,29	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	8,92	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	5,99	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	6,09	µg/l

BM.7.8.4 a

Đ/C: 159 Hưng Phú, Phường Hưng Phú, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

Trang 1/2

ĐT: (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

Mã số mẫu: 12599.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,399	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ